

Họ và tên:

Lớp:

TOÁN 5 – BÀI 13: LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN

Bài 1. Làm tròn các số thập phân có chữ số 0 tận cùng theo yêu cầu.

- a) Làm tròn 17,10 đến hàng đơn vị:
- b) Làm tròn 34,250 đến hàng phần mười:
- c) Làm tròn 60,730 đến hàng phần trăm:
- d) Làm tròn 88,330 đến hàng đơn vị:

Bài 2. Làm tròn các số thập phân sau đến hàng phần mười.

- a) Làm tròn số 863 079,029 đến hàng phần mười được
- b) Làm tròn số 303 315,295 đến hàng phần mười được
- c) Làm tròn số 802 612,35 đến hàng phần mười được
- d) Làm tròn số 992 984,692 đến hàng phần mười được
- e) Làm tròn số 9,955 đến hàng phần mười được
- f) Làm tròn số 951 444,04 đến hàng phần mười được
- g) Làm tròn số 9,989 đến hàng phần mười được
- h) Làm tròn số 777 889,457 đến hàng phần mười được

Bài 3. Đọc tình huống và viết kết quả làm tròn thành tích thể thao đến hàng phần mười.

Trong giờ thể dục, bạn Phương thực hiện bật xa tại chỗ được 1,164 m. Hãy làm tròn thành tích đó đến hàng phần mười mét.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. Làm tròn các số thập phân sau đến hàng phần trăm.

- a) Làm tròn 247,506 đến hàng phần trăm được
- b) Làm tròn 927,193 đến hàng phần trăm được
- c) Làm tròn 597,323 đến hàng phần trăm được
- d) Làm tròn 207,445 đến hàng phần trăm được

Bài 5. Làm tròn các số đo khối lượng sau theo yêu cầu. Điền kết quả kèm đơn vị kg.

- a) Làm tròn 9,655kg đến hàng phần mười của ki-lô-gam:
- b) Làm tròn 1,267kg đến hàng phần trăm của ki-lô-gam:
- c) Làm tròn 9,258kg đến ki-lô-gam gần nhất:
- d) Làm tròn 8,716kg đến ki-lô-gam gần nhất:

Bài 6. Đọc tình huống sau và trình bày cách làm tròn để ước lượng số tiền phải trả.

Một cửa hàng bán một tập giấy màu với giá 29,506 nghìn đồng. Hà muốn mua 3 tập giấy màu. Em hãy làm tròn giá của một món hàng đến số tự nhiên gần nhất theo đơn vị nghìn đồng, rồi ước lượng tổng số tiền Hà phải trả theo nghìn đồng và theo đồng.

Bài giải

Bài 7. Làm tròn từng số đo đến số tự nhiên gần nhất rồi ước lượng chu vi hình chữ nhật theo yêu cầu sau.

Cô giáo muốn dán băng trang trí quanh một tấm bảng hình chữ nhật. Người đo được chiều dài là 67,25cm và chiều rộng là 62,84cm. Hãy làm tròn mỗi số đo đến số tự nhiên gần nhất rồi ước lượng chu vi tấm bảng đó.

Bài giải

Bài 8. Điền Đ nếu phát biểu về số đo gần đúng là đúng, S nếu phát biểu sai.

- Số đo chiều dài của một sợi dây là 47,48m. Phát biểu “chiều dài của một sợi dây khoảng 47,7m khi làm tròn đến hàng phần mười” là
- Số đo chiều cao của bạn An là 157,14cm. Phát biểu “chiều cao của bạn An khoảng 157,1cm khi làm tròn đến hàng phần mười” là
- Số đo cân nặng của một em bé là 20,903kg. Phát biểu “cân nặng của một em bé khoảng 20,9kg khi làm tròn đến hàng phần trăm” là
- Số đo dung tích của một bình nước là 9,25l. Phát biểu “dung tích của một bình nước khoảng 9,1l khi làm tròn đến hàng phần mười” là

Bài 9. Làm tròn từng số đo đến số tự nhiên gần nhất rồi ước lượng chu vi hình chữ nhật theo yêu cầu sau.

Nhà trường dự định kẻ đường viền quanh một sân chơi hình chữ nhật. Người đo được chiều dài là 29,76m và chiều rộng là 22,3m. Hãy làm tròn mỗi số đo đến số tự nhiên gần nhất rồi ước lượng chu vi sân chơi đó.

Bài giải

Bài 10. Làm tròn các số đo độ dài sau theo yêu cầu. Điền kết quả vào chỗ trống.

a) Chiều dài thanh gỗ là 487,661m. Làm tròn số đo này đến hàng phần trăm mét được

b) Chiều dài lối đi là 501,34m. Làm tròn số đo này đến hàng phần mười mét được

c) Độ dài đoạn đường trong sân là 127,88m. Làm tròn số đo này đến mét gần nhất được

d) Độ dài mép thảm là 449,24m. Làm tròn số đo này đến hàng phần mười mét được

Bài 11. Làm tròn các số theo yêu cầu và điền số ban đầu có kết quả làm tròn lớn nhất.

a) Làm tròn các số 95,9; 95,958; 94,6; 95,5 đến hàng phần trăm. Điền số ban đầu có kết quả làm tròn lớn nhất:

b) Làm tròn các số 44,7; 45,24; 44,204; 43,2 đến hàng phần trăm. Điền số ban đầu có kết quả làm tròn lớn nhất:

c) Làm tròn các số 69,7; 67,802; 68,44; 67,5 đến hàng đơn vị. Điền số ban đầu có kết quả làm tròn lớn nhất:

d) Làm tròn các số 105,47; 104,9; 104,26; 106,092 đến hàng phần mười. Điền số ban đầu có kết quả làm tròn lớn nhất:

Bài 12. Làm tròn các số thập phân có chữ số 0 tận cùng theo yêu cầu.

a) Làm tròn 37,760 đến hàng phần trăm:

b) Làm tròn 19,150 đến hàng phần mười:

c) Làm tròn 54,70 đến hàng đơn vị:

d) Làm tròn 71,650 đến hàng đơn vị:

Bài 13. Làm tròn các số trong mỗi ý theo yêu cầu rồi điền thứ tự các kết quả.

- a) Làm tròn các số 28,955; 55,716; 24,296 đến hàng phần mười rồi sắp xếp từ lớn đến bé: ...
.....
- b) Làm tròn các số 65,534; 90,476; 96,649 đến hàng phần trăm rồi sắp xếp từ lớn đến bé: ...
.....
- c) Làm tròn các số 94,05; 38,5; 74,16 đến hàng đơn vị rồi sắp xếp từ bé đến lớn:
.....
- d) Làm tròn các số 9,976; 76,435; 27,476 đến hàng phần trăm rồi sắp xếp từ lớn đến bé:
.....

Bài 14. Điền Đ nếu phát biểu về số đo gần đúng là đúng, S nếu phát biểu sai.

- a) Số đo chiều cao của bạn An là 90,253cm. Phát biểu “chiều cao của bạn An khoảng 90,24cm khi làm tròn đến hàng phần trăm” là
- b) Số đo độ dài của một đoạn đường là 23,406km. Phát biểu “độ dài của một đoạn đường khoảng 23,41km khi làm tròn đến hàng phần trăm” là
- c) Số đo dung tích của một chai nước là 1,2l. Phát biểu “dung tích của một chai nước khoảng 0l khi làm tròn đến hàng đơn vị” là
- d) Số đo cân nặng của một bao gạo là 5,879kg. Phát biểu “cân nặng của một bao gạo khoảng 5,9kg khi làm tròn đến hàng phần mười” là

Bài 15. Điền Đ nếu phát biểu đúng, S nếu phát biểu sai.

- a) Làm tròn số 726,05 đến hàng phần mười được 726,0. ...
- b) Làm tròn số 146,637 đến hàng phần trăm được 146,64. ...
- c) Làm tròn số 198,853 đến hàng phần trăm được 198,84. ...
- d) Làm tròn số 419,72 đến hàng phần mười được 419,7. ...

---HẾT---